

Số: 629 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 13 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng triển khai các dự án, chương trình, mô hình khuyến nông trên địa bàn thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 39/TTr-SNN ngày 27/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng triển khai các dự án, chương trình, mô hình khuyến nông trên địa bàn thành phố kèm theo Quyết định này cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh thay thế một số Định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng triển khai các dự án, chương trình, mô hình khuyến nông tại Phụ lục ban hành theo Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, gồm:

- Mô hình sản xuất dưa vàng, dưa lưới trong nhà màng, nhà kính tại tiêu mục 3, mục V Phần B Phụ lục I (Tại cột giống; tại cột vật tư, phân bón).

- Mô hình nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng 3 giai đoạn tại dòng thứ tự 2 Mục 1 Phần B Phụ lục III.

(Nội dung chi tiết định mức kèm theo tại Phụ lục I).

2. Bổ sung Định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng triển khai các dự án, chương trình, mô hình khuyến nông trên địa bàn thành phố, gồm:

- Mô hình sản xuất hoa sen trồng ruộng, ao, đầm.

- Mô hình sản xuất hoa sen trồng chậu.

- Mô hình sản xuất hoa trạng nguyên trồng chậu.

- Mô hình sản xuất ớt ngọt trong nhà màng, nhà kính.

- Mô hình ứng dụng công nghệ thủy canh trong sản xuất rau ăn lá.

- Mô hình chăn nuôi bò thương phẩm chuyên thịt.

- Mô hình nuôi thâm canh ốc nhồi 2 giai đoạn.
- Mô hình nuôi xen canh tôm sú – cua xanh.
- Mô hình nuôi thâm canh cá rô đồng đầu vuông.

(Nội dung chi tiết định mức kèm theo tại Phụ lục II).

3. Các nội dung tại Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng không thay đổi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Phòng NNTNMT;
- CV: NN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Quyết định số 629 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 của UBND thành phố)

A. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

I. Mô hình sản xuất dưa vàng, dưa lưới trong nhà màng, nhà kính

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú	
1	Giống, vật tư	Tính cho 1.000m ²				
-	Giống	Hạt	2.500	Giống được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật		Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
		Cây	2.500			
		Gram	75			
-	MKP (KH ₂ PO ₄)	Kg	80	TCCS	Mô hình sử dụng phân đơn	
-	MAP (NH ₄ H ₂ PO ₄)	Kg	80	TCCS		
-	Ca(NO ₃) ₂ .4H ₂ O	Kg	255	TCCS		
-	KNO ₃	Kg	155	TCCS		
-	MgSO ₄ .7H ₂ O	Kg	180	TCCS		
-	K ₂ SO ₄	Kg	65	TCCS		
-	Phân vi lượng Chelate (Fe, Zn, Cu, Mn...)	Kg	5	TCCS	Mô hình sử dụng phân tổng hợp	
-	Phân NPK 20-20-20	Kg	10	TCCS		
-	Phân NPK 17-9-27	Kg	80	TCCS		
-	MgSO ₄ .7H ₂ O	Kg	90	TCCS		

000

-	Phân vi lượng Chelate (Fe, Zn, Cu, Mn...)	Kg	5	TCCS		
-	Thuốc BVTV, chế phẩm sinh học	1.000đ	500	TCCS		
-	Giá thể xơ dừa	Kg	4.000			
-	Túi đóng bầu (vật liệu đựng giá thể)	Cái	2.300	- Chất liệu: Nhựa - Kích thước: 40x40cm	Mô hình tự trộn giá thể	
-	Túi giá thể xơ dừa ép thể	Túi	625	- Độ ẩm <20% - Kích thước nén: 19×16.5x3cm - Trọng lượng khô: 1.6 - 2kg - Số lỗ trồng: 04 lỗ	Mô hình sử dụng giá thể đóng sẵn	
-	Dây SE nông nghiệp treo dây	Kg	10	- Chất liệu: Nhựa nguyên sinh PP 100% - Màu sắc: Trắng - Kích thước sợi 1.2-1.5 mm. Chịu lực: 30 kg. - Số mét dây: 900 mét dây/1 kg.		
-	Đai kẹp thân	Cái	5.000	- Chất liệu: Bằng nhựa PE - Đường kính trong của đai kẹp thân: 2,2 cm - Đường kính ngoài của đai kẹp thân: 2,5 cm		
-	Ong	Thùng	2	4 cầu ong/thùng		
2	Chi triển khai					

2.1	Tập huấn kỹ thuật			Số lượng không quá 50 người/lớp	
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		
2.2	Tổng kết	Cuộc	01		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	05		

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: hộ dân chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham gia thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thăm quan, hội thảo	Cuộc/ MH	01	Số lượng ≤100 người/ cuộc
2	Pano vùng, biển báo, tờ gấp, clip, sách kỹ thuật ...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

B. LĨNH VỰC THỦY SẢN

I. Mô hình nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng ba giai đoạn

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					
-	Giống			Quy cỡ giống PL12, khỏe mạnh; Có xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Giai đoạn 1	con/m ²	1.200-1.500		

	Giai đoạn 2	con/m ²	600-800		
	Giai đoạn 3	con/m ²	150-250		
-	Thức ăn	FCR	1,3	Hàm lượng protein thức ăn giai đoạn 1≥42%; thức ăn giai đoạn 2 ≥40%; thức ăn giai đoạn 3 ≥38%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
-	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 200 triệu/ha			
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây dựng mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp	
	+ Số lần	Lần/điểm	1		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc /điểm	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	1-2	Có chuyên môn phù hợp	
-	Thời gian triển khai	Tháng/năm	≤ 5		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian thăm quan, thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 80 người/cuộc
	- Biên báo	Biên/hộ MH	≤5	
	- Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật, tin bài, phóng sự...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt



PHỤ LỤC II

(Kèm theo Quyết định số **629** /QĐ-UBND ngày **13** tháng **3** năm 2023 của UBND thành phố)

A. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

I. Mô hình sản xuất hoa sen trồng ruộng, ao, đầm

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống, vật tư	Tính cho 01 ha			
-	Giống hoa	Củ/ thân/cây	2.000	Giống được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
-	Phân NPK 5-10-3	Kg	300	TCCS	
-	Phân NPK13-13-13	Kg	700	TCCS	
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.500	TCCS	
-	Phân bón lá	1.000đ	5.000	TCCS	
-	Thuốc BVTV, chế phẩm sinh học	1.000đ	4.000	TCCS	
-	Vôi bột	Kg	300	TCCS	
2	Chi triển khai				
2.1	Tập huấn kỹ thuật			Số lượng không quá 50 người/lớp	
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		

2.2	Tổng kết	Cuộc	01		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	09		

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng: hộ dân chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham gia thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Tham gia, hội thảo	Cuộc/ MH	01	Số lượng ≤ 100 người/ cuộc
2	Pano vùng, biển báo, tờ gấp, clip, sách kĩ thuật...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

II. Mô hình sản xuất hoa sen trồng chậu

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống, vật tư	Tính cho 01 ha (1.000 chậu)			
-	Giống hoa	Củ/ thân/cây	1.000	Giống được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
-	Phân NPK 5-10-3	Kg	100	TCCS	
-	Phân NPK13-13-13	Kg	250	TCCS	
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	500	TCCS	

-	Phân bón lá	1.000đ	2.000	TCCS	
-	Thuốc BVTV, chế phẩm sinh học	1.000đ	2.000	TCCS	
-	Chậu trồng	Cái	1.000		
2	Chi triển khai				
2.1	Tập huấn kỹ thuật			Số lượng không quá 50 người/lớp	
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		
2.2	Tổng kết	Cuộc	01		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	09		

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng: hộ dân chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham gia thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Tham gia, hội thảo	Cuộc/ MH	01	Số lượng ≤ 100 người/ cuộc
2	Pano vùng, biển báo, tờ gấp, clip, sách kỹ thuật...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt theo quy định hiện hành

III. Mô hình sản xuất hoa trạng nguyên trồng chậu

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống, vật tư	Tính cho 01 ha (80.000 chậu)			
-	Cây giống	Cây	80.000		<i>Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành</i>
-	Phân NPK13-13-13	Kg	1.000	TCCS	
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	3.000	TCCS	
-	Phân bón lá	1.000đ	4.000	TCCS	
-	Thuốc BVTV, chế phẩm sinh học	1.000đ	5.000	TCCS	
-	Vôi bột	Kg	1.000	TCCS	
-	Giá thể trồng cây (Phân chuồng hoai mục + Đất + Xơ dừa/trấu hun)	m ³	400		
-	Chậu nhựa trồng cây (đường kính 26cm, cao 23,5cm)	Cái	80.000		
-	Lưới đen cắt nắng 60%	m ²	10.000		
2	Chi triển khai				
2.1	Tập huấn kỹ thuật			Số lượng không quá 50 người/lớp	
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		

2.2	Tổng kết	Cuộc	01		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	12		

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng: hộ dân chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham gia thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Tham gia, hội thảo	Cuộc/ MH	01	Số lượng ≤100 người/ cuộc
2	Pano vùng, biển báo, tờ gấp, clip, sách kỹ thuật...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

IV. Mô hình trồng ớt ngọt trong nhà kính, nhà màng

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống, vật tư	Tính cho 1 ha			
-	Giống	Hạt	33.000	Giống được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
		Cây	30.000		
		gram	250		
-	Đạm nguyên chất (N)	Kg	112	TCCS	
-	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg	64	TCCS	Mô hình sử

-	Kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg	172	TCCS	dụng phân đơn	
-	MgSO ₄	Kg	650	TCCS		
-	Phân vi lượng (Fe, Zn, Cu, Bo...)	Kg	50	TCCS		
-	Phân NPK 20-20-20	Kg	50	TCCS	Mô hình sử dụng phân tổng hợp	
-	Phân NPK 17-9-27	Kg	600	TCCS		
-	MgSO ₄	Kg	650	TCCS		
-	Phân vi lượng (Fe, Zn, Cu, Bo...)	Kg	50	TCCS		
-	Thuốc BVTV, chế phẩm sinh học	1.000đ	7.500	TCCS		
-	Túi giá thể xơ dừa ép thể	Cái	7.500	TCCS		
-	Dây SE nông nghiệp treo dây	Kg	180	TCCS		
-	Đai kẹp thân	Cái	60.000	TCCS		
2	Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật			Số lượng không quá 50 người/lớp		
-	Số lần	Lần	01			
-	Thời gian/ lần	Ngày	01			
2.2	Tổng kết	Cuộc	01			
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	06			

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng: hộ dân chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham gia thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Tham gia, hội thảo	Cuộc/ MH	01	Số lượng ≤ 100 người/ cuộc
2	Pano vùng, biển báo, tờ gấp, clip, sách kỹ thuật ...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

V. Mô hình ứng dụng công nghệ thủy canh trong sản xuất rau ăn lá**1. Xây dựng mô hình**

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	Hỗ trợ lắp đặt hệ thống thủy canh			Tính cho 100m ²	
-	Ống trồng thủy canh	m	400	- Ống thủy canh hình thang 50x100x2.4 Việt Nam sản xuất, rãnh nhỏ dưới đáy	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
-	Bịt đầu ống thủy canh	chiếc	40	- Bít trơn 50x100	
-	Bịt cuối ống thủy canh	chiếc	40	- Bít trơn thoát 50x100-D34	
-	Khung giàn thép mạ kẽm	bộ	5	- Giàn làm bằng thép mạ kẽm hộp vuông 30x30x1.0mm hàn kết cấu. Đồ bê tông chân đỡ khung giàn	
-	Bàn ươm cây con	bộ	2	- Bàn ươm cây con kích thước D x R = 2.4 x 1.2. Gồm hệ khung thép mạ kẽm và bạt chống thấm	

-	Bộ điều khiển bơm	bộ	1	- Tủ điện, attomat, thiết hện giờ, khởi động từ,
-	Máy đo PH	chiếc	1	- Máy đo PH cầm tay
-	Máy đo EC	chiếc	1	- Máy đo Ec cầm tay
-	Rọ trồng	rọ	1.200	- Ly trắng thủy canh 50 trắng có đáy
-	Mút gieo hạt	tấm	50	- Kích thước: 30 x 20 cm/1 tấm (1 tấm có 96 đơn vị trồng)
-	Khay xếp gieo hạt	chiếc	50	- khay xếp ươm hạt 84 lỗ
-	Phụ kiện lắp đặt hoàn thiện	gói	1	
-	Hệ thống bơm và đường ống pvc cấp - thu hồi nước cho hệ thống thủy canh	gói	1	- Hệ thống đường ống uPvc cấp nước hồi lưu và phụ kiện. - Hệ thống máy bơm dinh dưỡng thủy canh
-	Bồn dinh dưỡng	cái	5	Bồn nhựa
-	Bộ dinh dưỡng giá thể	Bộ	02	TCCS
II	Chi triển khai			
1	Tập huấn kỹ thuật			Số lượng không quá 50 người/lớp
-	Số lần	Lần	01	
-	Thời gian/lần	Ngày	01	
2	Tổng kết	Cuộc	01	
3	Thời gian triển khai	Tháng	6 tháng	

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: hộ dân chưa tham gia mô

2	Thời gian tham gia thực hành	Ngày	01	hình
---	------------------------------	------	----	------

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thăm quan, hội thảo	Cuộc/ MH	01	Số lượng ≤ 100 người/ cuộc
2	Pano vùng, biển báo, tờ gấp, clip, sách kỹ thuật ...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

B. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

I. Mô hình chăn nuôi bò thương phẩm chuyên thịt

1. Hỗ trợ mô hình (tính cho 1 con)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống vật tư				
1.1	Giống ban đầu (6 tháng tuổi)	kg	120-200	Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật (từ 120 200kg/con tùy giống)	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	Thức ăn hỗn hợp (hỗ trợ thức ăn trong vòng 360 ngày)	kg	486	Hàm lượng protein thô từ 14-16%	
	Giai đoạn 6-8 tháng tuổi	kg/ngày	1,0		
	Giai đoạn 9-10 tháng tuổi	kg/ngày	1,2		
	Giai đoạn 11-12 tháng tuổi	kg/ngày	1,4		
	Giai đoạn 13-18 tháng tuổi	kg/ngày	1,5		

1.3	Thức ăn thô xanh	kg	9.390		
	Thức ăn thô xanh 6-12 tháng tuổi	kg/ngày	15-25		
	Thức ăn thô xanh 13-18 tháng tuổi	kg/ngày	29-34		
1.4	Muối	g	9.750		
	Giai đoạn 6-10 tháng	g/ngày	20		
	Giai đoạn 11-12 tháng	g/ngày	25		
	Giai đoạn 13-15 tháng	g/ngày	30		
	Giai đoạn 16-18 tháng	g/ngày	35		
1.5	Vắc xin	liều	4		
	Lở mồm long móng	liều	2		
	Tụ huyết trùng	liều	2		
1.6	Tẩy ký sinh trùng (sán lá gan, nội ngoại KST)	liều	3		
1.7	Hóa chất sát trùng đã pha loãng	lít	60		
1.8	Chế phẩm sinh học	kg	3		
2	Chi triển khai				
2.1	Tập huấn				
	Số lần	lần/điểm	1		
	Thời gian/lần	ngày	1		

2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	1		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	12		
2.4	Tổng kết	ngày/điểm	1		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 1 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1	Đối tượng tham gia: Người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	1	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 1 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	1	
2	Biển báo mô hình	Chiếc/hộ	1	
3	Tờ gấp, tin bài, phóng sự ...			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

C. LĨNH VỰC THỦY SẢN

I. Nuôi thâm canh ốc nhồi 2 giai đoạn

1. Nuôi thâm canh ốc nhồi 2 giai đoạn trên bể

1.1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					

-	Giống				Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Giai đoạn 1	Con/m ²	800-1.200	Quy cỡ giống ≤3g/con, màu sắc sáng bóng, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Giai đoạn 2	Con/m ²	300-400		
-	Thức ăn	FCR		Hàm lượng protein ≥29%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Thức ăn công nghiệp		≤1,2		
	Thức ăn xanh		≤2		
-	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 55 triệu/1.000m ²			
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây dựng mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp	
	+ Số lần	Lần/điểm	1		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	1-2	Có chuyên môn phù hợp	
-	Thời gian triển khai	Tháng/năm	≤8		

1.2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	- Thời gian thăm quan, thực hành	Ngày	01	

1.3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng $\leq$ 80 người/cuộc
2	- Biển báo	Biển/hộ MH	≥ 2	Nếu mô hình thực hiện theo quy phạm thực hành tốt VietGAP thì 9 biển
3	- Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật, tin bài, phóng sự...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

2. Nuôi thâm canh ốc nhồi 2 giai đoạn trong ao đầm

2.1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					
-	Giống				Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Giai đoạn 1	Con/m ²	500-600	Quy cỡ giống ≤3g/con, màu sắc sáng bóng, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Giai đoạn 2	Con/m ²	100-150		
-	Thức ăn	FCR		Hàm lượng protein ≥29%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Thức ăn công nghiệp		≤1,2		
	Thức ăn xanh		≤2		
-	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 150 triệu/ha			

2. Chi triển khai				
-	Tập huấn xây dựng mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp
	+ Số lần	Lần/điểm	1	
	+ Thời gian	Ngày/lần	01	
-	Tổng kết	Cuộc	01	Khi kết thúc
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	1-2	Có chuyên môn phù hợp
-	Thời gian triển khai	Tháng/năm	≤6	

2.2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	- Thời gian thăm quan, thực hành	Ngày	01	

2.3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 80 người/cuộc
	- Biển báo	Biển/hộ MH	≥2	Nếu mô hình thực hiện theo quy phạm thực hành tốt VietGAP thì 9 biển
	- Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật, tin bài, phóng sự...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

II. Nuôi xen canh tôm sú – cua xanh

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					
-	Giống			- Cua cỡ $\geq 3\text{cm/con}$, cua khỏe mạnh, đồng đều, không dị tật; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng; - Tôm sú P15, khỏe mạnh, đồng đều, không dị tật; - Có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
+	Cua xanh (cua biển)	con/m ²	2-3		
+	Tôm sú	con/m ²	10-12		
-	Thức ăn			- Thức ăn công nghiệp: Hàm lượng protein thức ăn $\geq 38\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng. - Thức ăn tươi sống: đảm bảo chất lượng	
+	Tôm sú:				
	Thức ăn công nghiệp	FCR	1,3		
+	Cua xanh				
	Thức ăn công nghiệp	FCR	1,7		
	Thức ăn tươi sống (don, dất, cá tạp...)	FCR	4		
-	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 150 triệu/ha			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây dựng mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp	
	+ Số lần	Lần/điểm	01		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc /điểm	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	1-2	Có chuyên môn phù hợp	
-	Thời gian triển khai	Tháng/năm	≤7		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian thăm quan, thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 80 người/cuộc.
	- Biên báo	Biên/hộ MH	≤2	
	- Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật, tin bài, phóng sự...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

III. Mô hình nuôi thâm canh cá rô đồng đầu vuông

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					
-	Giống	Con/m ²	≤50	Quy cỡ giống: ≤5g/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
-	Thức ăn	FCR	1,5	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥30%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
-	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 150 triệu đồng/ha			
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây dựng mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp	
	+ Số lần	Lần/điểm	1		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc/điểm	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	1-2	Có chuyên môn phù hợp	
-	Thời gian triển khai	Tháng	≤6		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian thăm quan, thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng $\leq$ 80 người/cuộc
	- Biển báo	Biển/hộ MH	≥ 1	Nếu mô hình thực hiện theo quy phạm thực hành tốt VietGAP thì 9 biển
	- Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật, tin bài, phóng sự...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt